

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/DS-ST
Ngày: 29/4/2025
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về góp hội và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoạt;
Bà Phạm Hồng Gái.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông Lương Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hoàng Huyền T, sinh năm: 1995 và anh Trần Minh P, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Chị T có mặt, anh P có đơn xin giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Cao Thị H, sinh năm: 1993 và anh Huỳnh Văn Ú, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng Huyền T và anh Trần Minh P trình bày:

Nguyên vào ngày 18/01/2022, chị có mở một dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng xỏ một lần, hụi có 25 chân, vợ chồng chị H, anh Ú tham gia 03 chân, nhưng sau đó cần trừ 01 chân, hụi mãn vào 18/02/2024. Vợ chồng chị H, anh Ú hàng tháng vẫn có đóng tiền hụi cho chị đến khi mãn hụi, nhưng mỗi lần đóng thì đóng không đầy đủ, sau khi kết sổ lại, thì vợ chồng chị H, anh Ú còn nợ lại chị số tiền 26.050.000đ (*Hai mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*), hai bên có lập thành bản cam kết mượn tiền ngày 30/3/2024. Vợ chồng chị H, anh Ú có cam kết trả cho chị số tiền này vào ngày 30/4/2024, góp mỗi tháng là 3.000.000 đồng đến ngày 30/12/2024, nhưng từ đó đến nay vẫn chưa góp cho chị khoản tiền nào.

Vào tháng 07/2023, thì vợ chồng chị có cho vợ chồng chị H, anh Ú mượn số tiền 15.000.000 đồng, cam kết trong thời gian 02 tháng sẽ trả cho chị, nhưng sau đó thì không trả. Do đó ngày 30/3/2024, vợ chồng chị mới yêu cầu vợ chồng chị H, anh Ú làm Bản cam kết mượn tiền ngày 30/3/2024. Vợ chồng chị H, anh Ú có cam kết trả cho vợ chồng chị số tiền này vào ngày 03/4/2024, nhưng đến nay vẫn chưa trả cho vợ chồng chị khoản tiền nào. Nay chị yêu cầu Toà án tạm tính tiền lãi của số tiền 15.000.000 đồng từ ngày 04/4/2024 đến ngày 04/3/2025 là 11 tháng với mức lãi suất chậm trả 10%/năm (0,83%/tháng) với số tiền 1.369.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 16.369.000 đồng.

Do đó vợ chồng chị làm đơn khởi kiện này, yêu cầu Toà án buộc vợ chồng chị Cao Thị H, anh Huỳnh Văn Ú phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị số tiền hụi còn nợ là 26.050.000 đồng, số tiền vay tạm tính đến ngày 04/3/2025 là 16.369.000 đồng, tổng cộng là 42.419.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số tiền vay gốc 15.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ cho vợ chồng chị.

Tại phiên hoà giải, chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi. Cụ thể: Chị T yêu cầu vợ chồng chị Cao Thị H, anh Huỳnh Văn Ú phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị số tiền hụi còn nợ là 26.050.000 đồng, số tiền vay 15.000.000 đồng. Tổng cộng là 41.050.000đ (*Bốn mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bị đơn chị Cao Thị H và anh Huỳnh Văn Ú trình bày:

Vợ chồng anh chị thừa nhận có tham gia chơi hụi và vay tiền của vợ chồng chị T. Cụ thể vợ chồng chị còn thiếu vợ chồng chị T số tiền nợ hụi là 26.050.000 đồng và số tiền vay 15.000.000 đồng. Tổng cộng hai khoản tiền là 41.050.000 đồng.

Hiện nay vợ chồng anh chị đang khó khăn, phải thuê nhà ở, lo tiền thuốc, con đi học hàng ngày, nên xin vợ chồng chị T cho trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Hoàng Huyền T trình bày: Chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi, chị T yêu cầu vợ chồng chị Cao Thị H, anh Huỳnh Văn Ú phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị số tiền hui còn nợ là 26.050.000 đồng, số tiền vay 15.000.000 đồng. Tổng cộng là 41.050.000đ (*Bốn mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Chị Cao Thị H và anh Huỳnh Văn Ú trình bày: Vợ chồng chị thừa nhận còn thiếu vợ chồng chị T số tiền nợ hui là 26.050.000 đồng và số tiền vay 15.000.000 đồng. Tổng cộng hai khoản tiền là 41.050.000 đồng.

Vợ chồng anh chị đang khó khăn, phải thuê nhà ở, lo tiền thuốc, con đi học hàng ngày và mới phát hiện H mới mang thai, nên xin vợ chồng chị T cho trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ cơ sở để đưa vụ án ra xem xét giải quyết.

Về hướng đề nghị giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng chị Cao Thị H và anh Huỳnh Văn Ú phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị số tiền hui còn nợ là 26.050.000 đồng, số tiền vay 15.000.000 đồng. Tổng cộng là 41.050.000đ (*Bốn mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*). Đình chỉ một phần khởi kiện của vợ chồng chị T về yêu cầu trả lãi, do rút yêu cầu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng chị Cao Thị H và anh Huỳnh Văn Ú phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định vụ án này như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, vợ chồng chị Nguyễn Hoàng Huyền T, anh Trần Minh P yêu cầu vợ chồng chị Cao Thị H, anh Huỳnh Văn Ú có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hui và vay còn nợ. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui và vay tài sản. Bị đơn vợ chồng chị Cao Thị H, anh Huỳnh Văn Ú có nơi cư trú tại ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn anh Trần Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng có đơn xin vắng mặt, nên HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vẫn tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt đương sự tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Nguyên đơn vợ chồng chị Nguyễn Hoàng Huyền T, anh Trần Minh P yêu cầu vợ chồng chị Cao Thị H và anh Huỳnh Văn Ú phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị số tiền hui còn nợ là 26.050.000 đồng, số tiền vay 15.000.000 đồng. Tổng cộng là 41.050.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Tại Biên bản lấy lời khai của chị Cao Thị H ngày 21/3/2025 (BL 15), Biên bản hoà giải ngày 10/4/2025 và tại phiên tòa, chị H và anh Ú đều thừa nhận còn nợ vợ chồng chị T, anh P số tiền nợ hui và vay là 41.050.000 đồng. Do đó đây là các tình tiết được các bên đương sự thừa nhận, nên không cần phải chứng minh và được xem là chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số nợ hui và vay là 41.050.000 đồng.

[3.2] Đối với yêu cầu của vợ chồng chị H, anh Ú về việc xin vợ chồng chị T, anh P cho trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Tuy nhiên, việc này không được chị T đồng ý tại phiên tòa và yêu cầu phải có nghĩa vụ trả số nợ hui và vay một lần. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ T1 hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong Bản án, Quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án, nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của vợ chồng chị H, anh Ú. Tuy nhiên, nếu vợ chồng chị H, anh Ú thật sự khó khăn về kinh tế, thì có thể làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[3.3] Đối với việc nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền lãi trên số tiền cho vay. HĐXX xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, nên HĐXX đình chỉ một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, trong quá trình nghị án và thảo luận, HĐXX có cơ sở chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên toà, chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Buộc vợ chồng chị H, anh Ú có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị T, anh P số nợ hui và vay là 41.050.000 đồng. Đình chỉ một phần khởi kiện của vợ chồng chị T về yêu cầu trả lãi, do rút yêu cầu.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc vợ chồng chị H, anh Ú có nghĩa vụ liên đới nộp án phí sơ thẩm 5% trên số tiền nợ hui và vay 41.050.000 đồng buộc phải trả cho vợ chồng chị T, anh P là 2.052.500 đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn chị T, anh P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 74, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 651, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 18, Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hui, họ, biểu, phường.

Áp dụng mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ T1 hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng Huyền T, anh Trần Minh P.

Buộc vợ chồng chị Cao Thị H, anh Huỳnh Văn Ú phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị Nguyễn Hoàng Huyền T, anh Trần Minh P số tiền nợ hụi và vay là 41.050.000đ (*Bốn mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng Huyền T, anh Trần Minh P do rút yêu cầu về số tiền lãi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng chị Cao Thị H, anh Huỳnh Văn Ú có nghĩa vụ liên đới nộp án phí sơ thẩm là 2.052.500đ (*Hai triệu không trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

Hoàn trả cho chị Nguyễn Hoàng Huyền T, anh Trần Minh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.060.000đ (*Một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00011109 ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (Do Trần Minh P nộp).

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/4/2025); Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thì được quyền kháng cáo Bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Nguyễn Thanh H1